TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 151/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28-11-2018

V/v L hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Lộc

2. Ông Nguyễn Văn Sum

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân **huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau** *tham gia phiên toà:* Vắng mặt.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 380/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018 về việc L hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 18/6/2018 chị Nguyễn Thị Cẩm L trình bày:*

Về hôn nhân: Chị L và anh Phạm Văn Q tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 09/02/2007. Thời gian chung sống do không hợp nhau, vợ chồng thường hay cự cãi, mâu thuẫn kéo dài nên chị L yêu cầu L hôn với anh Q.

Về con chung gồm: Phạm Thanh H, sinh ngày 03/3/2001, Phạm Thị H, sinh ngày 23/6/2003 và Phạm Huỳnh N, sinh ngày 24/11/2008. Hiện nay con chung do chị L nuôi dạy. Chị L yêu cầu tiếp tục nuôi dạy nhưng không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Cẩm L khởi kiện yêu cầu L hôn với bị đơn là anh Phạm Văn Q. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc L hôn; Anh Q có hộ khẩu tại ấp A, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và có tống đạt hợp lệ cho anh Q nhưng anh Q không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của chị L và vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng này cho anh Q nhưng anh Q vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Đối với chị L có đơn xin vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L, anh Q theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên được Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình phân công có nhiệm vụ tham gia phiên tòa nhưng do điều kiện khách quan nên Kiểm sát viên

vắng mặt. Căn cứ theo khoản 1 Điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị L và anh Q tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 09/02/20107. Tại đơn khởi kiện chị L cho rằng thời gian chung sống giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc nên chị L yêu cầu L hôn với anh Q. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Xét thấy, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để chị L và anh Q có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do anh Q vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Phạm Văn Q được L hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống chị L và anh Q có 03 (ba) người con chung tên: Phạm Thanh H, sinh ngày 03/3/2001, Phạm Thị H, sinh ngày 23/6/2003 và Phạm Huỳnh N, sinh ngày 24/11/2008. Xét thấy, tại đơn khởi kiện chị L yêu cầu nuôi dạy con chung là có căn cứ. Bởi vì, con chung hiện chị L nuôi dạy; tại bản tự khai ngày 18/6/2018 cháu H, cháu H và cháu N có yêu cầu và nguyện vọng được sống cùng chị L; Quá trình thụ lý giải quyết Tòa án có thông báo cho anh Q biết yêu cầu của chị L nhưng anh Q không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị L và vắng mặt không có lý do. Vì vậy cần giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại đơn khởi kiện, chị L không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Chị L xác định thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu giải giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị L xác định không có nợ chung, vợ chồng không có nợ người ngoài và người ngoài cũng không nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết. Tại đơn xác nhận ngày 18/6/2018 của Ủy ban nhân dân xã Tân Lộc, huyện Thới Bình, tỉnh

Cà Mau xác nhận không có ai yêu cầu về nợ đối với vợ chồng chị L và anh Q tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Cẩm L phải chịu án phí – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 232 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Phạm Văn Q được L hôn.

2.Về con chung: Giao cháu Phạm Thanh H, sinh ngày 03/3/2001, Phạm Thị H, sinh ngày 23/6/2003 và Phạm Huỳnh N, sinh ngày 24/11/2008 cho chị Nguyễn Thị Cẩm L tiếp tục nuôi dạy. Anh Phạm Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Q không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4.Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Cẩm L phải nộp 300.000 đ *(Ba trăm nghìn đồng).* Vào ngày 18 tháng 6 năm 2018 chị L có dự nộp 300.000 đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0005545 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

5.Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị L và anh Q vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;

-VKSND huyện Thới Bình;

-THADS huyện Thới Bình;

-TAND tỉnh Cà Mau;

-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Khoa